

Số: **78** /2008/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày **01** tháng **7** năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp Việt Nam đến năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 3 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ (số 21/2000/QH10 ngày 09/6/2000) của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020 được phê duyệt theo Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp Việt Nam đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hiện trạng nghiên cứu lâm nghiệp Việt Nam

a) Thành tựu

Trong thời gian qua, nghiên cứu khoa học lâm nghiệp đã đóng góp ngày càng nhiều và có hiệu quả vào sự phát triển của ngành lâm nghiệp nói riêng, sự phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn nói chung. Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, kể cả công nghệ nhập được tăng cường, góp phần rút ngắn thời gian nghiên cứu và phục vụ có hiệu quả cho sản xuất. Số công trình được áp dụng vào sản xuất tăng từ 27% giai đoạn 1976-1990 lên 41% giai đoạn 1991-1995, 53% giai đoạn 1996-2000 và 56% giai đoạn 2001-2004.

Số đơn vị tham gia nghiên cứu ngày càng tăng, đầu tư cho nghiên cứu được cải thiện, mức đầu tư tăng, nguồn vốn phong phú hơn; ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước cho nghiên cứu khoa học, các dự án hợp tác quốc tế: Các dự án

bảo vệ và phát triển rừng do nước ngoài tài trợ, chương trình PAM và một số chương trình quốc gia cũng đóng góp đáng kể cho nghiên cứu khoa học lâm nghiệp như: 327, 661, ...

Trong một số lĩnh vực mũi nhọn như chọn tạo giống, nhân giống ... thành tựu nghiên cứu của Việt Nam đã đạt được trình độ của các nước trong khu vực và một số nước tiên tiến. Kết quả nghiên cứu đã được áp dụng rộng rãi trong thực tiễn sản xuất. Nhiều giống quốc gia, giống tiến bộ kỹ thuật đối với Bạch đàn, Keo, Phi lao... có năng suất cao và khả năng chống chịu đã được công nhận. Công nghệ mô hom đã trở thành kỹ thuật khá phổ biến để tạo cây con hàng loạt có chất lượng đồng đều.

Những thành tựu đạt được trên một số lĩnh vực cụ thể:

- Phân loại đất rừng, đánh giá về tiềm năng và độ thích hợp của đất đối với một số loài cây trồng rừng chủ yếu, phân hạng đất, phân chia lập địa.

- Phân loại thảm thực vật rừng Việt Nam, xác định đặc điểm chủ yếu các hệ sinh thái rừng lá rộng thường xanh, rừng lá kim, rừng rụng lá, rừng trên núi đá vôi, rừng ngập mặn.

- Đánh giá đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng Việt Nam; các loài đặc hữu, quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng; đề xuất các phương thức bảo tồn và đã bảo tồn một số nguồn gen.

- Xây dựng cơ sở khoa học công nghệ để quản lý bền vững rừng tự nhiên.

- Xác định các loài cây trồng rừng trên đất trống đồi núi trọc; Cải thiện giống, nhân giống, kỹ thuật thâm canh rừng trồng đạt năng suất cao (Keo, Bạch đàn).

- Đề xuất công nghệ chế biến gỗ rừng trồng (sấy, chế độ xẻ, ván nhân tạo, băm dăm,...), bảo quản một số lâm sản.

- Xác định các tính chất cơ bản của gỗ làm cơ sở sử dụng và phân chia các nhóm gỗ.

- Dự báo thị trường lâm sản và đề xuất một số luận cứ để xây dựng chính sách lâm nghiệp làm động lực phát triển ngành.

- Ban hành hàng trăm tiêu chuẩn Nhà nước và tiêu chuẩn ngành, quy trình, quy phạm kỹ thuật.

b) Về những thiếu sót và tồn tại:

Một trong những tồn tại lớn trong nghiên cứu khoa học về lâm nghiệp là số các kết quả nghiên cứu được đưa vào sản xuất còn hạn chế và nghiên cứu chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của sản xuất. Nguyên nhân chủ yếu được xác định là:

- Công tác thông tin, dự báo phát triển ngành còn yếu và thiếu một chiến lược nghiên cứu khoa học công nghệ cho ngành, việc xác định phương hướng,

mục tiêu nghiên cứu và lựa chọn các đề tài ưu tiên chưa chuẩn xác, hiệu quả nghiên cứu chưa cao, chưa gắn chặt với thực tiễn sản xuất và thị trường.

Còn nhiều khoảng trống trong nghiên cứu như: các nghiên cứu cơ bản để tạo ra giải pháp kỹ thuật và công nghệ mới; nghiên cứu quản lý tài nguyên rừng và đất rừng; nghiên cứu về tổ chức và quản lý nghề rừng; về thị trường lâm sản; về định giá rừng và các dịch vụ môi trường của rừng; nghiên cứu liên quan đến biến đổi khí hậu: các tác động và các giải pháp thích ứng, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ của nước ngoài...

- Tổ chức nghiên cứu chưa hợp lý. Trong quá trình xây dựng kế hoạch nghiên cứu chưa chú ý đến đối tượng cây rừng có chu kỳ sản xuất dài ngày, đề tài nghiên cứu thường bị gián đoạn, chia cắt. Chưa có sự tham gia của người sử dụng kết quả nghiên cứu trong quá trình xác định nội dung, triển khai thực hiện và đánh giá kết quả nghiên cứu.

- Thiếu động lực cho nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Các chính sách hiện tại chưa thực sự khuyến khích, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, nhất là chính sách đãi ngộ, sử dụng cán bộ nghiên cứu khoa học chưa có sức hấp dẫn cán bộ giỏi làm nghiên cứu lâm nghiệp, hạn chế tính năng động, tự chủ và sáng tạo.

- Cán bộ nghiên cứu thiếu, yếu và chưa đồng bộ, nhất là lực lượng nghiên cứu ở các địa phương và cơ sở; chưa hình thành các tập thể các nhà khoa học theo từng lĩnh vực chuyên môn với các trình độ khác nhau và ít tính kế thừa; khi chuyển sang cơ chế thị trường và lâm nghiệp chuyển hướng sang lâm nghiệp xã hội, đội ngũ cán bộ chưa được trang bị kiến thức và phương pháp tiếp cận phù hợp nên ít nhạy bén và hiệu quả nghiên cứu thấp.

- Sự phối hợp giữa các nhà khoa học, các cơ sở nghiên cứu, giữa nghiên cứu với phổ cập và sản xuất, đào tạo chưa chặt chẽ. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chương trình khoa học công nghệ với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và chương trình phát triển ngành. Hiệu quả kinh tế của các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ chưa được chú ý đúng mức.

- Điều kiện nghiên cứu vừa thiếu vừa lạc hậu. Trang thiết bị thí nghiệm chưa đáp ứng yêu cầu; rừng nghiên cứu, thí nghiệm chưa có quy chế quản lý phù hợp. Kinh phí cho nghiên cứu rất thấp và cách xa yêu cầu.

2. Tổ chức nghiên cứu lâm nghiệp

a) Hệ thống tổ chức nghiên cứu:

Hệ thống các tổ chức nghiên cứu khoa học lâm nghiệp đã hình thành khá đồng bộ, trong đó Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam là tổ chức nghiên cứu chủ yếu, là cơ quan nghiên cứu lâm nghiệp đầu ngành. Đã hình thành một số tổ chức nghiên cứu khoa học lâm nghiệp độc lập thuộc Hội Khoa học kỹ thuật lâm nghiệp Việt Nam và các Trường đại học lâm nghiệp Việt Nam. Nhiều cơ quan,

tổ chức có liên quan trong ngành lâm nghiệp cũng đã tham gia nghiên cứu khoa học lâm nghiệp. Tuy nhiên, tiềm năng nghiên cứu, nhất là ở các Vườn quốc gia và các cơ sở lâm nghiệp nhìn chung chưa được phát huy, một số lĩnh vực cần thiết ít được chú ý đầu tư nghiên cứu, các cơ sở sản xuất kinh doanh lâm nghiệp nói chung chưa có đầu tư thoả đáng cho nghiên cứu lâm nghiệp..

- Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam là cơ quan nghiên cứu lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được thành lập vào năm 1961 và tổ chức lại vào năm 1988. Trước năm 1988, trên cơ sở tách ra từ Viện khoa học lâm nghiệp cũ, đã có các tổ chức nghiên cứu khoa học lâm nghiệp hoạt động độc lập là: Viện Lâm nghiệp, Viện Công nghiệp rừng, Viện Kinh tế lâm nghiệp trực thuộc Bộ Lâm nghiệp (và Tổng cục lâm nghiệp).

Chức năng, nhiệm vụ của Viện Khoa học lâm nghiệp hiện nay bao gồm: nghiên cứu khoa học kỹ thuật về lâm sinh, công nghiệp rừng và kinh tế lâm nghiệp phục vụ cho công tác quản lý và sản xuất của Ngành; xây dựng và thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội và khoa học kỹ thuật của ngành; xây dựng quy chế quản lý và các quy trình, quy phạm, định mức, tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật lâm nghiệp; đào tạo cán bộ trên đại học trong lĩnh vực lâm sinh và chế biến lâm sản, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ khoa học kỹ thuật và thực hiện hợp tác quốc tế, dịch vụ tư vấn về khoa học kỹ thuật của ngành.

Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam có Hội đồng Khoa học, các phòng chức năng, các phòng nghiên cứu, các trung tâm nghiên cứu chuyên đề, trung tâm chuyên giao công nghệ và trung tâm vùng với đội ngũ cán bộ khoa học đa ngành, hệ thống các phòng thí nghiệm, nhà xưởng và trên 10.000 ha rừng nghiên cứu thí nghiệm.

Trong những năm qua, ưu thế về nghiên cứu khoa học lâm nghiệp của Viện khoa học lâm nghiệp VN vẫn chủ yếu là những vấn đề về nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về lâm sinh, lâm học. Những vấn đề về công nghiệp rừng và kinh tế quản lý ngành lâm nghiệp chưa được quan tâm nhiều.

- Các tổ chức nghiên cứu khoa học của Trường Đại học lâm nghiệp: Trung tâm môi trường sinh thái ..., Trung tâm Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy (nay là Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy thuộc Tổng công ty giấy Việt Nam), các trung tâm, các viện của Hội khoa học kỹ thuật lâm nghiệp là các tổ chức nghiên cứu khoa học lâm nghiệp về các lĩnh vực khác nhau về lâm nghiệp, đặc biệt là các lĩnh vực về môi trường sinh thái rừng, về quản lý, kinh tế lâm nghiệp.. Các tổ chức này đã thu hút được nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật lâm nghiệp đang làm việc tại các cơ quan đơn vị hay đã nghỉ hưu vào nghiên cứu lâm nghiệp khá hiệu quả.

- Tham gia nghiên cứu khoa học lâm nghiệp còn có các đơn vị hoạt động trên các lĩnh vực khác nhau trong ngành lâm nghiệp, như: Viện Điều tra quy hoạch rừng, 3 trung tâm kỹ thuật bảo vệ rừng (thuộc Cục Kiểm lâm). (Kiểm lâm

vùng 1 ở Quảng Ninh, vùng 2 ở Thanh Hoá và vùng 3 ở Thành phố Hồ Chí Minh), Các trường trung cấp và trường công nhân kỹ thuật lâm nghiệp, Các Vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên thuộc trung ương và địa phương.

Các cơ sở sự nghiệp thuộc các ngành khác, như các khoa lâm nghiệp của Đại học Nông lâm Thái nguyên, Đại học Nông lâm Huế, Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, Đại học Tây Nguyên và một số trường khác như Đại học Nông nghiệp I, Đại học Dược Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội... , Các viện nghiên cứu như Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật, Viện nghiên cứu rau quả, Viện Thổ nhưỡng nông hoá, Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn... cũng tham gia nghiên cứu các đề tài và trực tiếp phục vụ các chương trình quốc gia về Lâm nghiệp như Chương trình 327, 661...

- Các cơ sở thuộc khối sản xuất kinh doanh, như: Công ty Giống lâm nghiệp, Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam.. cũng triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu về các lĩnh vực khác nhau, đặc biệt trên các lĩnh vực về giống như: chọn giống, nhân giống, xây dựng vườn giống, rừng giống và nghiên cứu các loài cây cung cấp nguyên liệu giấy.

- Tham gia nghiên cứu khoa học lâm nghiệp còn có các cơ sở ở các địa phương: Nông lâm trường thực nghiệm, Trung tâm khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp, Trung tâm Khuyến nông Khuyến lâm, Lâm trường thực nghiệm... có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ hay phổ cập...

Nhiều tổ chức quốc tế đã quan tâm đến nghiên cứu lâm nghiệp và hỗ trợ, hợp tác với các đối tác trong nước thực hiện nhiều chương trình nghiên cứu lâm nghiệp, điển hình như: FAO, CIFOR, APAFRI, ACIAR, CSIRO, DANIDA, JICA, SIDA, SAREC, UNDP, IUCN, TBI, GTZ...

b) Nguồn lực nghiên cứu:

- Nguồn nhân lực: Trong những năm gần đây, việc đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy ở trong và ngoài nước được tăng cường mạnh mẽ và đội ngũ thạc sĩ, tiến sĩ trẻ trong các cơ quan nghiên cứu, trường đại học tăng lên rõ rệt. Tuy nhiên, cán bộ đầu đàn trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu lâm nghiệp (như: lâm học), vẫn còn thiếu hoặc chưa tự khẳng định mình. Năng lực nghiên cứu của cán bộ trẻ vẫn chưa đồng đều và số cán bộ nghiên cứu giỏi chưa nhiều.

- Trang thiết bị nghiên cứu nhìn chung còn lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và hoặc so với các lĩnh vực nông nghiệp trong nước. Ngành Lâm nghiệp chưa có phòng thí nghiệm trọng điểm Quốc gia hoặc được đầu tư lớn, tập trung.

c) Cơ chế quản lý nghiên cứu:

- Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ đã có nhiều đổi mới, nhất là sau khi Luật Khoa học và Công nghệ ra đời; việc xác định kế hoạch nghiên cứu đã

được chuyển từ hình thức giao nhiệm vụ sang tuyển chọn và đấu thầu công khai, tạo sự cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng giữa các thành phần tham gia nghiên cứu và góp phần nâng cao hiệu quả nghiên cứu. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ 2010 và Nghị định 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ đã đề cập và qui định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học công nghệ công lập.

- Về thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu: Trước 1980, các đề tài được tập hợp thành các chương trình của ngành; từ năm 1981, các chương trình tiến bộ kỹ thuật có mục tiêu được xây dựng theo 2 cấp: Nhà nước và ngành. Ngoài các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước và cấp ngành còn các đề tài độc lập và các nhiệm vụ nghiên cứu thường xuyên. Thiếu các chương trình nghiên cứu dài hạn phù hợp với đặc thù của ngành lâm nghiệp là cây dài ngày gây khó khăn không nhỏ cho quá trình xây dựng kế hoạch nghiên cứu hàng năm.

- Công tác quản lý nghiên cứu có sự phân công ngày càng rõ hơn giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ chuyên ngành cũng như việc phân cấp giữa các nhiệm vụ cấp Nhà nước, cấp ngành và cấp cơ sở.

- Cơ chế quản lý tài chính trong nghiên cứu chậm được đổi mới, chưa khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ và thu hút tài năng; đặc điểm này càng rõ trong nghiên cứu lâm nghiệp, vì đây là lĩnh vực đặc thù với nhiều khó khăn về địa bàn, thời gian dài và rủi ro lớn.

- Cơ chế kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu... tuy có nhiều cải tiến nhưng vẫn nặng về thủ tục và hình thức.

- Thiếu cơ chế quản lý kết quả nghiên cứu để bảo đảm các kết quả nghiên cứu được sử dụng hiệu quả, thiếu sự phối hợp với mạng lưới khuyến lâm để đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất. Thiếu hệ thống quản lý thông tin để phục vụ các đối tượng khác nhau như nhà quản lý, hoạch định chính sách, các cơ quan nghiên cứu, đào tạo và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

3. Mục tiêu, nội dung Chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp tới năm 2020

a) Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát

Nghiên cứu lâm nghiệp nhằm góp phần định hướng phát triển lâm nghiệp, thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển lâm nghiệp và kế hoạch tổng thể nghiên cứu nông nghiệp Việt Nam tới năm 2020; phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam tới năm 2020.

- Mục tiêu cụ thể

+ Định hướng phát triển ngành: Cung cấp cơ sở khoa học định hướng phát triển ngành theo hướng xã hội hoá nghề rừng, đồng thời phát huy chức năng cung cấp hàng hóa và dịch vụ môi trường của rừng.

+ Mục tiêu sản xuất lâm nghiệp và bảo tồn đa dạng sinh học: Nâng cao hiệu quả nghiên cứu, gắn nghiên cứu khoa học với thực tiễn sản xuất, nâng cao tỷ trọng đóng góp của khoa học đối với phát triển của ngành đạt các chỉ tiêu sau:

Nâng cao năng suất rừng tự nhiên lên 1,5 lần cho nhóm cây có giá trị kinh tế;

Phát triển rừng trồng sản xuất với một số loài cây chủ lực có năng suất cao và bền vững (tăng 1,5 - 2 lần);

Bảo vệ và phát huy giá trị phòng hộ của các loại rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn và phòng hộ ven biển.

Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững nguồn đa dạng sinh học, các nguồn gen của rừng, kể cả các nguồn lâm sản ngoài gỗ;

Cải tiến công nghệ đảm bảo khai thác tác động thấp đối với rừng tự nhiên, phát triển công nghệ chế biến gỗ qui mô vừa và nhỏ, đa dạng hoá sử dụng nguồn nguyên liệu.

+ Tăng cường năng lực nghiên cứu:

Tăng cường năng lực nghiên cứu và cải tiến hệ thống tổ chức nghiên cứu, kết hợp nghiên cứu với đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế nhằm đưa trình độ khoa học công nghệ lâm nghiệp đạt ngang tầm các nước trong khu vực. Các mục tiêu cụ thể cần đạt được là:

Hệ thống tổ chức nghiên cứu phù hợp, có hiệu quả; thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa nghiên cứu - đào tạo - phổ cập.

Cán bộ nghiên cứu được đào tạo đủ năng lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế, có các cán bộ nghiên cứu đầu ngành đủ năng lực và có tính kế thừa.

Cơ sở hạ tầng và thiết bị nghiên cứu hiện đại được tăng cường phù hợp với trình độ chung của khu vực.

Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, có cơ sở dữ liệu đủ mạnh phục vụ cho nghiên cứu và triển khai áp dụng các kết quả nghiên cứu lâm nghiệp vào thực tiễn sản xuất.

b) Ưu tiên nghiên cứu:

Căn cứ vào Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020 và Chiến lược phát triển khoa học công nghệ 2010 đã được phê duyệt, các ưu tiên nghiên cứu được sắp xếp theo các lĩnh vực và chia theo 3 cấp độ ưu tiên: ưu tiên cao, ưu tiên trung bình và ưu tiên thấp.

Các vấn đề ưu tiên nghiên cứu được sắp xếp trong 6 lĩnh vực: 1) Quy hoạch, giám sát, đánh giá rừng và tài nguyên rừng; 2) Chính sách và thể chế lâm nghiệp; 3) Quản lý rừng bền vững; 4) Môi trường rừng và đa dạng sinh học; 5)

Lâm học và kỹ thuật lâm sinh (rừng tự nhiên, rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ); 6) Công nghiệp rừng, Bảo quản và chế biến lâm sản.

Quy hoạch, giám sát, đánh giá rừng và tài nguyên rừng, gồm:

+ Quy hoạch sử dụng rừng và đất lâm nghiệp ở tầm vĩ mô và vi mô.

+ Nghiên cứu và áp dụng các giải pháp khoa học công nghệ tiên tiến trong điều tra, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

+ Xây dựng hệ thống hồ sơ quản lý, hệ thống các chỉ tiêu đánh giá và giám sát tài nguyên rừng.

Chính sách và thể chế lâm nghiệp, gồm:

+ Dự báo xu hướng phát triển lâm nghiệp trong từng giai đoạn (nhu cầu, thị trường, năng lực cung cấp)

+ Tổng kết thực tiễn, đánh giá tình hình thực hiện các cơ chế chính sách và các chương trình, dự án lớn, đề xuất các giải pháp, cơ chế chính sách mới về lâm nghiệp, như: chính sách về xã hội hóa ngành lâm nghiệp, giao đất, giao rừng; các chính sách về cơ chế chia sẻ lợi ích từ rừng, chính sách đầu tư, tín dụng và dịch vụ môi trường rừng, về vai trò của rừng trong việc xóa đói giảm nghèo và đóng góp của ngành trong nền kinh tế quốc dân...

+ Hệ thống quản lý nhà nước về lâm nghiệp, hệ thống quản lý rừng và tổ chức sản xuất về lâm nghiệp, hệ thống các định mức kinh tế kỹ thuật ngành lâm nghiệp...

+ Phát triển lâm nghiệp trong cơ chế thị trường.

Quản lý rừng bền vững, gồm:

+ Các hình thức quản lý và phát triển các loại rừng.

+ Các phương thức khai thác sử dụng rừng bền vững, kể cả rừng tự nhiên và rừng trồng.

+ Xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia về quản lý rừng bền vững.

Môi trường rừng và đa dạng sinh học, gồm:

+ Rừng với bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai. Khả năng phòng hộ của các loại rừng.

+ Lượng giá các giá trị của rừng về môi trường và cảnh quan.

+ Đa dạng sinh học rừng tự nhiên và nâng cao tính đa dạng sinh học rừng trồng.

+ Bảo tồn, sử dụng các nguồn gen các loài động, thực vật bản địa quý hiếm.

+ Nghiên cứu phát triển lâm nghiệp đô thị.

Lâm học và kỹ thuật lâm sinh, gồm:

+ Rừng tự nhiên: đặc điểm các hệ sinh thái rừng tự nhiên chủ yếu ở Việt Nam; Hệ thống các kỹ thuật lâm sinh nhằm nâng cao chất lượng rừng tự nhiên bị thoái hoá theo hướng thâm canh; kỹ thuật khai thác bền vững rừng tự nhiên và phục hồi rừng sau khai thác.

+ Rừng trồng: cơ sở khoa học xác định một số loài cây kinh tế chủ lực cho các vùng sinh thái; cải thiện giống các loài cây trồng chủ yếu (năng suất, chất lượng và tính chống chịu); thâm canh rừng trồng sản xuất (gỗ nhỏ và gỗ lớn); cơ sở khoa học và hệ thống kỹ thuật xây dựng rừng phòng hộ; các giải pháp kỹ thuật trồng rừng và xúc tiến tái sinh phục hồi rừng cho một số hệ sinh thái đặc thù (rừng ngập mặn, rừng khộp); các giải pháp quản lý, phòng trừ sâu bệnh hại rừng, cháy rừng.

+ Lâm sản ngoài gỗ: đánh giá tài nguyên lâm sản ngoài gỗ (LSNG); khai thác và phát triển bền vững LSNG quy mô hộ gia đình và trang trại; gây trồng, chế biến, bảo quản các loài lâm sản có giá trị kinh tế và có tiềm năng phát triển.

Công nghiệp rừng, bảo quản và chế biến lâm sản, gồm:

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu về đặc tính gỗ và LSNG Việt Nam.

+ Đánh giá tiềm năng phát triển các nguồn nguyên liệu gỗ và LSNG. Đa dạng hóa sử dụng nguồn nguyên liệu.

+ Công nghệ khai thác lâm sản tác động thấp rừng tự nhiên; ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong khai thác rừng trồng.

+ Công nghệ bảo quản và thuốc bảo quản lâm sản an toàn với môi trường.

+ Công nghệ chế biến lâm sản quy mô vừa và nhỏ.

+ Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn về gỗ và sản phẩm gỗ.

Giai đoạn 2008 - 2010, dành ưu tiên cao cho các chủ đề: xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá và giám sát tài nguyên rừng; chính sách giao đất, giao rừng, đồng quản lý các loại rừng và dịch vụ môi trường rừng, chính sách hưởng lợi, phát triển lâm nghiệp xã hội, định giá rừng, xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia về quản lý rừng bền vững, lượng giá giá trị môi trường của rừng và cảnh quan, quản lý thiên tai và rủi ro môi trường; cải thiện giống; thâm canh rừng trồng cung cấp nguyên liệu gỗ nhỏ và cải tạo rừng tự nhiên và rừng trồng nhằm cung cấp gỗ lớn; đánh giá thị trường lâm sản, nghiên cứu phát triển công nghệ bảo quản, chế biến lâm sản quy mô vừa và nhỏ...

c) Tăng cường năng lực nghiên cứu

- Sắp xếp hệ thống tổ chức nghiên cứu

+ Mục tiêu chính của sắp xếp hệ thống tổ chức nghiên cứu là nâng cao hơn nữa hiệu quả nghiên cứu, hạn chế trùng lặp trong các đề tài nghiên cứu. Những vấn đề trọng yếu được quan tâm là:

Định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức nghiên cứu, từng bước định hình các “mũi nhọn” của các tổ chức nghiên cứu trong toàn hệ thống nghiên cứu khoa học lâm nghiệp.

Thu hút mọi nguồn nhân lực trong toàn hệ thống trong nghiên cứu khoa học lâm nghiệp thông qua sự phối kết hợp trong nghiên cứu, tổ chức tốt thông tin nghiên cứu, đào tạo..

Sắp xếp hệ thống tổ chức nghiên cứu trong toàn quốc và trong từng cơ quan nghiên cứu cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới.

+ Mỗi quan hệ phối hợp của các tổ chức nghiên cứu:

Hệ thống nghiên cứu nông nghiệp (bao gồm lâm nghiệp) hiện nay được tổ chức theo ba cấp: cấp quốc gia, cấp vùng và cấp tỉnh. Xu hướng sắp xếp hệ thống tổ chức nghiên cứu nông nghiệp sẽ giảm dần cơ quan nghiên cứu ở Trung ương, mở rộng cơ quan nghiên cứu cấp vùng và cấp tỉnh.

Ở Trung ương, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam là viện nghiên cứu đầu ngành về lâm nghiệp. Viện đã hình thành hệ thống các trung tâm nghiên cứu chuyên đề, trung tâm vùng, tạo thành một thể thống nhất trong hệ thống tổ chức nghiên cứu của Viện. Trong thời gian tới, từng bước nâng cao tính độc lập và tự chủ của các trung tâm nghiên cứu này nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thực tế phát triển của ngành.

Khuyến khích phát triển và hoạt động của các tổ chức nghiên cứu khoa học lâm nghiệp khác, ngoài Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, nhất là các tổ chức nghiên cứu ngoài nhà nước.

Ở các địa phương và cơ sở, khuyến khích các nghiên cứu mang tính tổng kết thực tiễn, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia nghiên cứu lâm nghiệp; có thể hình thành các trung tâm nghiên cứu ở những nơi có nhu cầu cấp thiết và có đủ điều kiện về nguồn lực.

Đưa nhiệm vụ nghiên cứu khoa học lâm nghiệp như một nhiệm vụ thường xuyên của mình đối với các tổ chức trong hệ thống các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên, các Công ty lâm nghiệp, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu thông qua hệ thống thông tin nghiên cứu chia sẻ chung, cùng tham gia các chương trình nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu có yêu cầu trên diện rộng hay đa ngành, đa lĩnh vực...

+ Với việc hình thành các tổ chức nghiên cứu đa dạng, từng bước xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức nghiên cứu cho phù hợp và thiết lập mối quan hệ của hệ thống tổ chức nghiên cứu.

Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam phải ưu tiên và hướng tới các nghiên cứu đón đầu, có tính đột phá, lâu dài và cơ bản hơn, mang ý nghĩa chiến lược.

Viện/Trung tâm vùng chủ yếu tập trung nghiên cứu các vấn đề cụ thể, trước mắt của vùng và kết hợp nghiên cứu những vấn đề về phát triển chiến lược của vùng.

Các trường đại học, ngoài nhiệm vụ tham gia nghiên cứu phục vụ sản xuất, hướng tới những nghiên cứu có tính chất cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và hoàn thiện các giáo trình.

+ Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức nghiên cứu trong cùng một Viện/Trung tâm cho phù hợp với đặc thù nghiên cứu lâm nghiệp. Phát triển các trung tâm nghiên cứu trên từng lĩnh vực, các nghiên cứu chuyên đề, các trung tâm vùng, các trung tâm chuyên giao kỹ thuật. Có thể hình thành các tổ chức nghiên cứu linh hoạt trong một thời gian nhất định như các nhóm nghiên cứu chuyên đề và đa lĩnh vực...

+ Chú trọng xây dựng quan hệ hợp tác trong nghiên cứu, thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa viện nghiên cứu với các trường đại học, các viện vùng và phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài ngành, các tổ chức phi chính phủ.

+ Chuyển đổi mạnh hệ thống quản lý về kế hoạch và tài chính các tổ chức nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu mới của các tổ chức khoa học công nghệ tự trang trải kinh phí và doanh nghiệp khoa học. Các tổ chức nghiên cứu phải hướng tới đa lĩnh vực, có năng lực cạnh tranh, tham gia đấu thầu các đề tài, dự án trong nước và quốc tế, có uy tín để liên doanh, liên kết trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

- Phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo nguồn nhân lực cho nghiên cứu lâm nghiệp theo những định hướng cơ bản sau:

+ Đào tạo toàn diện, chuyên sâu và đồng bộ: đào tạo chuyên sâu ưu tiên ở các cơ quan nghiên cứu Trung ương, đào tạo toàn diện ưu tiên cho các cán bộ nghiên cứu ở địa phương.

+ Đào tạo đồng bộ và hài hoà giữa cán bộ nghiên cứu có học vị như Thạc sỹ, Tiến sỹ với các Kỹ sư thực hành, các Kỹ thuật viên.

+ Chú trọng đúng mức đào tạo nguồn nhân lực nữ trong nghiên cứu.

+ Đào tạo nguồn nhân lực cho các Viện, cơ quan nghiên cứu phải đặc biệt chú ý nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đại học, nhất là các trường đại học lâm nghiệp, nông - lâm nghiệp.

- Tăng cường hạ tầng cơ sở và thiết bị nghiên cứu

Tăng cường hạ tầng cơ sở và thiết bị nghiên cứu, đặc biệt quan tâm tới các hiện trường thí nghiệm, rừng thí nghiệm, các hệ thống vườn ươm, vườn sưu tập, vườn giống, các cơ sở nghiên cứu ở địa phương, ở các trung tâm vùng, viện

vùng. Những hiện trường nghiên cứu định vị, đặc biệt đối với rừng tự nhiên, phải được duy trì lâu dài.

Nghiên cứu, đề xuất cơ chế quản lý và sử dụng rừng nghiên cứu khoa học trong các cơ sở nghiên cứu khoa học và rừng nghiên cứu khoa học tại các cơ sở sản xuất hay sự nghiệp khác.

Tăng cường thiết bị nghiên cứu theo hướng tiếp cận tới những phương pháp nghiên cứu hiện đại, tiên tiến, trong đó:

- + Ưu tiên các thiết bị hiện đại cho các tổ chức nghiên cứu ở Trung ương.
- + Dành các thiết bị phù hợp với các nghiên cứu thông thường và chuyên dụng bố trí nghiên cứu hiện trường ở địa phương và cơ sở.
- + Thiết bị nghiên cứu hiện đại gắn với việc đào tạo các chuyên gia, kỹ thuật viên lành nghề.

- Phát triển hệ thống thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu nghiên cứu theo các định hướng cơ bản sau:

+ Đầu tư xây dựng các hệ thống thông tin cần thiết như thư viện, mạng internet, mạng LAN, trang Web để hình thành hệ thống mạng lưới thông tin có thể cập nhật được từ bên ngoài và trong nội bộ cơ quan nghiên cứu.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu trong lâm nghiệp, đặc biệt trong nghiên cứu và xây dựng các hiện trường nghiên cứu dài hạn (long-term sites) phục vụ các nghiên cứu dài hạn, đa ngành.

Quy định cụ thể những thông tin, các cơ sở dữ liệu cần được cập nhật trong hệ thống thông tin nghiên cứu lâm nghiệp sau nghiệm thu mỗi đề tài do ngân sách nhà nước đầu tư.

d) Nâng cao hiệu quả nghiên cứu

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược

Kế hoạch xây dựng phải hướng tới giải quyết các vấn đề cấp bách trước mắt, đồng thời phải chú trọng các vấn đề nghiên cứu cơ bản, lâu dài và dự báo vấn đề mới trong tương lai. Xây dựng kế hoạch dài hạn và trung hạn, đón trước các yêu cầu của sản xuất, đảm bảo sự đồng bộ và mang tính kế thừa.

Nghiên cứu lâm nghiệp không chỉ giải quyết các vấn đề kỹ thuật mà cả các vấn đề xã hội, giải quyết đồng bộ từ khâu đầu (gây trồng) đến khâu cuối (tiêu thụ), kế hoạch chiến lược phải chỉ ra được tầm quan trọng của mạng lưới nghiên cứu (research network) và hợp tác nghiên cứu giữa các đơn vị trong mỗi cơ quan, giữa các tổ chức nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Áp dụng công nghệ hiện đại vào nghiên cứu

Áp dụng các công nghệ, kỹ thuật hiện đại, phù hợp vào thực hiện các đề tài nhằm tăng hiệu quả, chất lượng và độ tin cậy khoa học của các kết quả nghiên

cứu như công nghệ sinh học trong chọn giống, lai tạo giống, nhân giống, đánh giá đa dạng di truyền cho bảo tồn nguồn gen và đa dạng sinh học (kỹ thuật chuyển gen, Isoenzyme, chỉ thị phân tử), bảo vệ thực vật (chế phẩm sinh học), sử dụng đồng vị phóng xạ trong nghiên cứu môi trường, công nghệ mới trong bảo quản, chế biến lâm sản... Sớm tiếp cận với các công nghệ hiện đại trong đánh giá diễn biến tài nguyên rừng, kiểm soát lửa rừng.

- Tiếp cận thông tin nghiên cứu

Tăng cường tiếp cận với các nguồn thông tin trong nước và quốc tế. Các số liệu, tài liệu nghiên cứu của các nhà nghiên cứu hoặc của các cơ quan nghiên cứu được quản lý và tạo cơ hội chia sẻ, để mọi người được quyền sử dụng khi có nhu cầu.

Các nguồn thông tin luôn được bổ sung, lưu trữ và chuyển giao.

Các nhà nghiên cứu tiếp cận và cập nhật đầy đủ các nguồn thông tin mới nhất thông qua nắm vững các kỹ năng sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin hiện đại.

Tiếp cận các kiến thức bản địa từ người dân địa phương trong các lĩnh vực liên quan tới nghề rừng và quản lý rừng.

- Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế

Xem phát triển quan hệ quốc tế là nhiệm vụ quan trọng nhằm tạo cơ hội thuận lợi thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Phát triển hợp tác quốc tế đi theo các định hướng sau:

+ Xác định rõ các nước, tổ chức quốc tế và thế mạnh của họ để xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài, cùng có lợi trên cơ sở mỗi quan tâm chung. Có thể phân chia thành các nhóm chủ yếu như:

Các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Các nước có nền khoa học lâm nghiệp tiên tiến: Ôxtrâyliia, Thụy Điển, Đan Mạch, Pháp, New Zealand, Mỹ, Canada, Đức...

Các tổ chức quốc tế và đối tác tài trợ: FAO, UNDP, IUFRO, APAFRI, CIFOR, IDRC, ACIAR, Tropenbos, Quỹ FORD, JICA, INBAR, IPGRI, GTZ...

+ Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương, đặc biệt các nghiên cứu thuộc lĩnh vực cải thiện giống, lai giống, chế biến lâm sản, môi trường rừng, đa dạng sinh học.

+ Đẩy mạnh đào tạo cán bộ thông qua hoạt động hợp tác quốc tế. Khuyến khích xây dựng và tham gia thực hiện các dự án hợp tác quốc tế, coi đó là cơ hội tiếp cận thông tin mới, phương pháp nghiên cứu và công nghệ hiện đại, học hỏi kinh nghiệm, bổ sung kinh phí.

- Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ

Các đề tài nghiên cứu phải có đầu ra và kết quả rõ ràng (có mô hình rừng trồng thí nghiệm, giống mới, công nghệ mới, máy móc mới...) có sức thuyết phục. Một số kết quả nghiên cứu cần thiết phải được chuyển thành các quy trình hay hướng dẫn kỹ thuật để có cơ hội chuyển giao. Các kỹ thuật, kết quả mới phải sớm được triển khai từ diện thí nghiệm ra các khảo nghiệm lớn hơn. Các đề tài có kết quả nghiên cứu khả quan, có nhu cầu triển khai tiếp được ưu tiên trong việc bố trí kế hoạch nghiên cứu, nhất là trong ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

Tăng cường đội ngũ khuyến lâm để họ vừa là người tuyên truyền, quảng bá công nghệ đến người mua, vừa là người chuyển giao, thông qua các lớp tập huấn, hướng dẫn.

Đẩy mạnh việc liên kết giữa nhà nghiên cứu, người trồng rừng, đội ngũ khuyến lâm và các cơ sở chế biến sao cho các nghiên cứu có mục tiêu cụ thể và thực tế hơn, đáp ứng các yêu cầu của sản phẩm và người sản xuất. Đặc biệt lưu ý tới các lâm trường, công ty trồng rừng nguyên liệu, các trang trại vì đây là nơi áp dụng nhanh các kết quả có triển vọng.

Liên kết nghiên cứu với các cơ sở giáo dục, đào tạo nhằm bổ sung kết quả mới vào giáo trình giảng dạy đại học, cao học ở các trường đại học, dạy nghề và bổ sung kiến thức mới cho sinh viên, học viên. Mỗi liên kết này được triển khai thông qua các đề tài nghiên cứu hợp tác và các chuyên đề giảng dạy.

Chuyển giao công nghệ là một nhiệm vụ cấp bách của các tổ chức, các cơ quan nghiên cứu trong thời gian tới.

- Giám sát và đánh giá

Các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu hiện đã được các cơ quan quản lý của các Bộ, Hội đồng khoa học Bộ và các cơ quan nghiên cứu giám sát, đánh giá định kỳ và nghiệm thu kết thúc. Trong quá trình đánh giá chú ý xem xét điều chỉnh mục tiêu, nội dung nghiên cứu cho phù hợp; đánh giá lợi ích và kết quả mong đợi của đề tài làm cơ sở đánh giá hiệu quả của đề tài khi kết thúc. Chú trọng sự tham gia của người sử dụng kết quả đề tài khi đánh giá. Sản phẩm của đề tài và kết quả chuyển giao vào sản xuất phải được đặc biệt chú ý trong khi đánh giá đề tài.

4. Các giải pháp thực hiện Chiến lược

a) Giải pháp về tổ chức

- Tạo lập các mạng lưới nghiên cứu lâm nghiệp ở Trung ương và ở các vùng để trao đổi thông tin, phối hợp cộng tác trong nghiên cứu, đề xuất các nội dung nghiên cứu đa ngành. Mạng lưới được đặt trong mối quan hệ với các Cục, Vụ của các Bộ, các cơ sở cấp tỉnh.

- Xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu đặc thù và chủ yếu của các tổ chức nghiên cứu.

- Hình thành các cơ chế hợp tác thông qua các bản thoả thuận, ghi nhớ giữa các đơn vị nghiên cứu và đào tạo, phát triển mối quan hệ hợp tác song phương dưới nhiều hình thức.

- Định hình các tổ chức nghiên cứu phù hợp để chuyển đổi thành các doanh nghiệp khoa học hoặc tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí vào năm 2008 - 2009.

b) Giải pháp về phát triển nguồn lực

- Phát triển nguồn nhân lực

+ Xây dựng kế hoạch dài hạn và thực hiện các chính sách đào tạo cán bộ nghiên cứu, đặc biệt là cán bộ trẻ và cán bộ nữ. Đào tạo cán bộ trẻ thông qua các lớp tập huấn (phương pháp nghiên cứu, các chuyên đề nghiên cứu...), tạo điều kiện cho cán bộ trẻ tham gia cộng tác hoặc chủ trì các đề tài trong nước và hợp tác quốc tế. Đẩy mạnh quá trình tự đào tạo của các cán bộ trẻ và coi đó là trách nhiệm của chính họ.

Từng bước bố trí cán bộ nghiên cứu tham gia thường xuyên vào các hoạt động thực tiễn sản xuất và giảng dạy và ngược lại.

+ Lựa chọn các lĩnh vực ưu tiên để đào tạo cán bộ nữ, đặc biệt trong giảng dạy, nghiên cứu như: Công nghệ sinh học, chế biến lâm sản, kinh tế chính sách và môi trường rừng.

+ Quy hoạch đào tạo, phân công, sử dụng cán bộ hợp lý là một nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan nghiên cứu và được thể hiện trong các kế hoạch cụ thể.

+ Xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ở các Trường đại học và trung cấp.

- Phát triển hạ tầng cơ sở nghiên cứu: có kế hoạch và giải pháp bảo vệ, duy trì và theo dõi các hiện trường nghiên cứu định vị, lâu dài.

- Tăng cường thiết bị nghiên cứu gắn với đào tạo chuyên gia, kỹ thuật viên lành nghề và sử dụng hiệu quả thiết bị nghiên cứu đã có trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với các đề tài nghiên cứu và hợp tác trong sử dụng thiết bị. Ưu tiên các đề tài nghiên cứu có liên quan tới sử dụng trang thiết bị hiện đại ở các cơ sở đã được trang bị.

- Giải quyết tốt vấn đề kinh phí dành cho bảo dưỡng thiết bị thông qua nguồn kinh phí được cấp và đóng góp từ các đề tài hoặc từ việc bán các sản phẩm nghiên cứu.

c) Giải pháp về nguồn vốn

- Bên cạnh nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, tăng cường huy động nguồn kinh phí từ các nhà sản xuất, các doanh nghiệp, các nhà tài trợ trong và

ngoài nước để tăng thêm nguồn kinh phí cho các công trình nghiên cứu lâm nghiệp.

- Nâng cấp đội ngũ cán bộ khoa học, cơ sở vật chất và định hướng nghiên cứu phù hợp với kinh tế thị trường, thông qua đó đáp ứng các nhu cầu thực tiễn sản xuất và thu hút kinh phí đầu tư, tạo mối liên kết với sản xuất. Tổ chức các nhóm nghiên cứu (Research team) đa ngành, năng động, triển khai các đề tài nghiên cứu có hiệu quả, thích ứng với đòi hỏi của các doanh nghiệp, các nhà tài trợ.

- Liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở nghiên cứu, các viện với các trường đại học và cơ sở đào tạo để phối hợp, cộng tác nghiên cứu.

d) Giải pháp về chính sách hỗ trợ

Thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước:

- Chính sách khuyến khích các nhà nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học đầu đàn (GS, PGS, TS), các nhà khoa học nữ phát huy năng lực nghiên cứu của mình.

- Chia sẻ chi phí nghiên cứu và chia sẻ lợi ích thu được từ nghiên cứu (đóng góp của nhà sản xuất và công nghiệp vào nghiên cứu...). Thực hiện nghiêm túc quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu.

- Chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Tiến độ thực hiện

Chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp được thực hiện theo 2 giai đoạn: 2008-2010 và 2011-2020

a) Giai đoạn 2008-2010:

- Hoàn thiện, phê duyệt và giới thiệu văn bản chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp tới các đối tác, các cơ quan Trung ương và địa phương.

- Thực hiện các nội dung của chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp và xây dựng kế hoạch hành động nghiên cứu lâm nghiệp.

- Thiết lập mạng lưới nghiên cứu lâm nghiệp, mối quan hệ hợp tác giữa các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy có liên quan tới lĩnh vực lâm nghiệp.

- Xác định các nguồn kinh phí cho nghiên cứu, tiếp cận với các đối tác, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, phát triển các mối quan hệ hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, đặc biệt với các tổ chức quốc tế có quan hệ truyền thống với Việt Nam như tổ chức SIDA, ACIAR, JICA, Tropenbos, FAO, UNDP, IUFRO, APAFRI, IUCN, CIFOR, Quỹ FORD...

- Công bố rộng rãi các chủ đề, đề tài nghiên cứu và tuyển chọn các cơ quan, cá nhân thực hiện. Đẩy mạnh việc chuyển giao kết quả nghiên cứu và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Tổng kết đánh giá hiệu quả của chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp giai đoạn 2008-2010. Định hướng lại, bổ sung và điều chỉnh chiến lược giai đoạn 2011-2020 cho phù hợp với thực tiễn phát triển của xã hội và ngành lâm nghiệp, đặc biệt về mục tiêu, các lĩnh vực ưu tiên nghiên cứu trong giai đoạn mới.

b) Giai đoạn 2011-2020

- Tổ chức thực thi các đề tài nghiên cứu giai đoạn mới.

- Ổn định hệ thống tổ chức nghiên cứu.

- Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao tiềm lực và trình độ nghiên cứu ngang tầm các nước trong khu vực, chú trọng các viện nghiên cứu và trung tâm vùng.

- Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược trong toàn giai đoạn 2008-2020, đóng góp khoa học công nghệ trong việc hoàn thành chiến lược phát triển ngành và tỷ trọng GDP.

2. Kết hợp chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp với các chiến lược, kế hoạch hành động quốc gia có liên quan

Trong quá trình thực hiện chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp, luôn xem xét kết hợp với chiến lược phát triển ngành, những đòi hỏi cấp bách từ thực tiễn sản xuất thông qua các chương trình phát triển và hỗ trợ ngành, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, kế hoạch tổng thể nghiên cứu nông nghiệp Việt Nam, kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học Việt Nam, chiến lược quản lý đất ngập nước ở Việt Nam và các chiến lược khai thác có liên quan đến tài nguyên rừng và ngành lâm nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc thực hiện các chương trình của chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp với các chương trình hành động quốc gia về bảo vệ và phát triển rừng, môi trường sinh thái và bảo vệ phát triển đa dạng sinh học.

3. Phân công trách nhiệm và phối hợp thực hiện chiến lược

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính... và Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng kế hoạch nghiên cứu để thực hiện chương trình nghiên cứu lâm nghiệp cho cả giai đoạn chiến lược và từng năm.

- Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam, các tổ chức nghiên cứu khoa học lâm nghiệp khác, các tổ chức có tham gia nghiên cứu khoa học lâm nghiệp cụ

thể hoá chiến lược này thành những nhiệm vụ cụ thể, khai thác mọi nguồn kinh phí hợp pháp cho nghiên cứu và đầu tư xây dựng tiềm lực nghiên cứu.

4. Giám sát và đánh giá việc thực hiện chiến lược

Hàng năm, căn cứ vào các mục tiêu đề ra, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan và UBND các tỉnh đánh giá thực hiện chiến lược nghiên cứu lâm nghiệp 2008 - 2020 và việc thực hiện kế hoạch hành động cho từng năm. Năm 2010, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2008 - 2010 và chuẩn bị định hướng, điều chỉnh kế hoạch cho giai đoạn sau.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp, Cục trưởng Cục Kiểm lâm, Viện trưởng Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải;
- Văn phòng CP;
- Các Bộ;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu VP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hứa Đức Nhị